

Bản án số: 57/2018/DS – PT
Ngày: 27/01/2018
V/v “ Yêu cầu bồi thường thiệt
hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Kim Cua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2017/TLPT- DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc “ Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2017/DS – ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1925;

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thanh B1, sinh năm: 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A1, xã X1, huyện H1, tỉnh Cà Mau;

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 30/9/2015).

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A2, xã X2, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2015).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông NLQ1, sinh năm: 1981 (có mặt)

2. Ông NLQ2, sinh năm: 1943 (có mặt)

3. Bà NLQ3, sinh năm: 1947

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre do ông Lê Quang V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đại diện.

(Bà NLQ3 và Ủy ban nhân dân huyện H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Thanh B1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là mẹ của ông B1 có một bờ đất đã trồng dừa và cây ăn trái diện tích 861.6 m² có tứ cận như sau:

- Phía Nam giáp đất của Nguyễn Văn Đ;

- Phía Tây và Bắc giáp đất của Nguyễn Thị S;

- Phía Đông giáp với đất của Nguyễn Văn B.

Bà H đã sinh sống trên mảnh đất này từ năm 1965 đến nay, đời sống kinh tế, thu nhập hàng tháng của bà H chỉ dựa vào mảnh vườn cây ăn trái nói trên và trợ cấp liệt sĩ, các con của bà H đã có gia đình và ở riêng. Năm 2010, ngành bưu điện viễn thông hỗ trợ cho bà H 10.000.000 đồng và con bà H góp thêm tiền vào để xây dựng căn nhà tình thương. Nhưng vì bà H già yếu nên các con của bà H không đồng ý cho bà H tiếp tục cất nhà ở trên phần đất đang tranh chấp mà cất nhà ở trên phần đất của ông Nguyễn Văn L, là con của bà H, để tiện việc chăm sóc.

Vào tháng 3/2014, bà H có ý định sang nhượng phần đất đang tranh chấp nói trên nhưng vì chưa có ý kiến của con bà nên chưa sang nhượng. Lúc này ông Nguyễn Văn B, nhà ở cặp ranh phía đông bờ đất của bà H thấy vườn không có người ở mới làm mai mối cho NLQ1 đến gặp con rể bà là NLQ2 để giao dịch mua bán. Ông Nguyễn Văn B và ông NLQ1 có nhờ ông NLQ2 động viên bà H sang nhượng bờ

đất nêu trên nhưng bà H không bán. Bà NLQ3 nghe bà H có ý định bán đất thì tìm người mua, còn giấy chồng cọc được lập giữa ông NLQ1 và ông NLQ2 chứ không có liên quan gì đến bà NLQ3.

Tháng 4/2014, bà H nghe tin phần đất đang tranh chấp nêu trên đã bán cho ông NLQ1. Con của bà là ông Nguyễn Thanh B1 ngăn cản việc mua bán này, vì phần đất này bà H đã quản lý, sử dụng gần 50 năm nay, bà H không bán đất để làm nơi an nghỉ lúc tuổi già.

Tháng 5/2014, ông Nguyễn Văn B vào vườn của bà đốn dừa, chặt cây ăn trái tổng cộng 07 cây dừa, 08 cây nhãn, 10 cây ca cao trên 10 năm tuổi đang ăn trái và một số cây tạp khác. Trong lúc đang chặt phá, con rể của bà là NLQ2 ngăn cản nhưng khi ông NLQ2 đi thì ông B tiếp tục chặt phá. Ông NLQ2 có nhờ bà Ngô Thị S và Ngô Văn Đ làm chứng. Ông NLQ2 còn đến báo Công an xã X. Khoảng hơn một tháng sau ông B đem nhánh cam và bưởi trồng trên bờ đất của bà H.

Tháng 12/2014, bà H đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã X yêu cầu giải quyết nhưng Ủy ban nhân dân xã yêu cầu bà H đợi đến khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì lúc này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phần đất này đã cấp nhầm cho con của bà H là Nguyễn Văn L. Sau đó ông NLQ2 làm giấy tờ điều chỉnh từ ông L sang cho bà H.

Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã X tổ chức 03 lần hòa giải, ông Nguyễn Văn B thừa nhận có đốn chặt dừa và cây ăn trái của bà H vì bờ đất vườn nói trên là do ông NLQ2 bán cho ông và đã lấy tiền cọc 10.000.000 đồng.

Tài sản của bà H bị ông Nguyễn Văn B đốn chặt gồm:

+ Thiệt hại về hoa màu:

- 07 cây dừa, hàng tháng 01 cây thu hoạch 07 trái x 7 cây = 49 trái x 6.000đ/trái = 294.000đ x 14 tháng = 4.160.000 đồng.

- 08 gốc nhãn thu hoạch 01 vụ là 240kg x 10.000đ = 2.400.000 đồng.

- 10 cây ca cao thu hoạch 30kg/tháng x 14 tháng x 5.000đ = 2.100.000 đồng.

Tổng cộng là 8.660.000 đồng.

+ Thiệt hại về cây bị chặt phá:

- Dừa: 07 cây x 1.000.000đ/cây = 7.000.000 đồng.

- Nhãn: 07 cây x 800.000đ/cây = 6.400.000 đồng.

- Ca cao: 10 cây x 500.000đ/cây = 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.400.000 đồng.

Tổng thiệt hại về cây trồng và hoa màu trên đất là 8.660.000đ + 18.400.000đ = 27.060.000 đồng. Nay, ông B1, đại diện cho bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn B

phải bồi thường cho bà H số tiền là 27.060.000 đồng do cây trồng và hoa màu trên đất bị đốn chặt, đồng thời di dời toàn bộ cây trồng trên đất gồm 43 nhánh cam và 50 nhánh bưởi ra khỏi phần đất của bà H.

Phần đất ông Nguyễn Văn B đang trồng cây là của bà H chứ không phải của ông NLQ2. Năm 1965 lúc đó các con của bà H còn nhỏ, bà H đã đưa vàng cho ông NLQ2 mua dùm bà H phần đất này. Bà H là người quản lý và trực tiếp canh tác trên đất cho đến nay. Việc mua bán đất giữa ông Nguyễn Văn B với ông NLQ2 do ông NLQ2 kẹt tiền nên tự tiện bán đất, ông B đã ngăn cản. Đất đang tranh chấp có hai phần, một phần là 300m² đất thổ cư Ủy ban nhân dân huyện H cấp nhằm cho ông L, là em của ông B1. Còn phần đất vườn chưa được cấp quyền sử dụng đất. Tháng 3/2015 mới điều chỉnh cấp toàn bộ phần đất đang tranh chấp lại cho bà H. Khi cây bị đốn chặt ông B1 không có mặt tại địa phương nên không báo với chính quyền địa phương để lập biên bản. Ông chỉ đếm gốc cây còn lại trên đất. Trước đây bà H có ý định bán đất nhưng cũng không có nhờ ông NLQ2 kiếm người mua bán đất. Thời điểm ông Nguyễn Văn B đốn cây bà H đã về An Hóa sống với bà Thủy là con gái của bà H, hơn nữa bà H cũng đã già yếu nên không tiện cho việc đi lại để ngăn cản trực tiếp nên chỉ có con, cháu của bà H đứng ra ngăn cản việc mua bán.

Bà NLQ3 và ông NLQ2 không đưa cho bà H số tiền nào và bà H cũng không biết việc ông NLQ2 mua bán đất với ông NLQ1. Khi ông biết việc mua bán đất đã đến gặp ông Nguyễn Văn B và thông báo cho biết việc mua bán này là trái phép. Bà H không có bán đất cho ông NLQ1 và cũng không nhận bất cứ số tiền nào của ông NLQ1 nên ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà H phải bồi thường gấp đôi tiền cọc và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H, công nhận phần đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn B ông không đồng ý.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn B là bà Hồ Thị H trình bày:

Vào ngày 24/3/2014, ông NLQ1 đã viết giấy đặt cọc giữa ông Nguyễn Văn B và ông NLQ2. Ông Nguyễn Văn B không trực tiếp đặt cọc mà nhờ ông NLQ1 đặt cọc mua bán đất với ông NLQ2 là do trước đây ông Nguyễn Văn B mua bán đất với ông NLQ2 nhưng ông NLQ2 không giữ lời hứa. Theo đó ông Nguyễn Văn B sẽ nhận chuyển nhượng đất với giá 100.000.000 đồng, ông đã đặt cọc số tiền là 10.000.000 đồng cho ông NLQ2. Đến ngày 26/3/2014, ông Nguyễn Văn B đặt cọc thêm cho ông NLQ2 2.000.000 đồng để mua lại phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, diện tích 861,6m² do bà Nguyễn Thị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm ông NLQ2 chuyển nhượng đất cho ông B ông NLQ2 đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông đặt cọc mua đất ông NLQ2 nói thửa đất này là của ông NLQ2, đã được

xã hòa giải giao cho ông và hiện chưa có ai đứng tên quyền sử dụng đất và không có tranh chấp nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Theo giấy chồng cọc ngày 24/3/2014, ông NLQ2 đồng ý cho ông NLQ1 vào vườn chăm sóc, dọn dẹp, thu hoạch Ông NLQ2 đảm bảo không có ai tranh chấp, ngăn chặn trên mảnh đất này. Sau đó ông Nguyễn Văn B vào phần đất này dọn dẹp và trồng cây lâu năm đến nay gần 02 năm, thời gian ông Nguyễn Văn B canh tác trên đất bà H không có ý kiến gì, không ngăn cản và cũng không nói là đất thuộc quyền sử dụng của bà. Ông Nguyễn Văn B vào canh tác trên đất trước khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án ông Nguyễn Văn B mới biết thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bà H.

Việc mua bán trên chỉ làm giấy tay mua bán không có ra Ủy ban xã để chứng thực. Đến thời điểm hiện nay ông Nguyễn Văn B vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất trên. Tháng 3/2014 ông giao dịch mua bán đất với ông NLQ2. Vào ngày 24/3/2014, ông vào canh tác trên đất có 11 cây dừa, ca cao, nhãn. Ông đã đốn 04 cây dừa mới trồng chưa được 01 năm tuổi do ông NLQ2 trồng; 02 cây dừa lão (dừa xiêm và dừa ta) đã tốp đọt không có trái; 04 cây ca cao khoảng 4,5 tuổi không có trái đã bị hư, trong đó có 02 cây chết; 04 cây nhãn quế bị hư hiện nay vẫn còn gốc. Toàn bộ số cây bị đốn là do bị hư những cây còn thu hoạch được ông vẫn giữ lại để hưởng huê lợi. Ông đốn cây và trồng khoảng hơn 100 cây bưởi da xanh và cam. Khi nhận chuyển nhượng, ông Nguyễn Văn B có ra địa chính xã hỏi thì được cho biết là đất này được giải quyết là của ông NLQ2. Vì vậy ông mới mua bán với ông NLQ2.

Khi mới hòa bình, bà H có về cất nhà trên phần đất đang tranh chấp, lúc đó bờ đất hẹp không đủ để cất nhà nên bà H hỏi mẹ ông Nguyễn Văn B độn mương để đủ chiều ngang cất nhà. Bà H đã cất nhà và ở trên đất này từ khi hòa bình cho đến khi cách đây khoảng 03 – 04 năm nay được chế độ cất nhà tình thương. Bà H xin ông NLQ2 cất nhà trên phần đất đang tranh chấp này thì ông NLQ2 yêu cầu căn nhà tình thương phải để cho con ông NLQ2 đứng tên nên bà H không đồng ý và cất nhà ở trên đất của ông L (là con của bà H). Bà H có nói đất này bà đã trả cho ông NLQ2 nên kêu ông Nguyễn Văn B xẻ ngay phần mương mà trước đây bà H xin độn để cất nhà. Khi mua đất ông giao tiền cọc có mặt của bà NLQ3, là vợ của ông NLQ2, với ông NLQ2. Không có việc ông Nguyễn Thanh B1 ngăn cản việc mua bán đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc bồi thường thiệt hại và di dời cây trồng ra khỏi đất bà H ông Nguyễn Văn B không đồng ý. Bà H cho rằng ông dọn đất trồng cây gây thiệt hại cho bà và yêu cầu bồi thường là không có căn cứ. Hiện tại ông Nguyễn Văn B đã trồng cây ăn trái và đến thời gian thu hoạch.

Ông Nguyễn Văn B phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông NLQ2, bà H tiếp tục thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 861,6m², thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre cho ông. Ông Nguyễn Văn B đồng ý trả lại cho ông NLQ2 số tiền còn lại theo thỏa thuận là 88.000.000 đồng. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, ông yêu cầu ông NLQ2 và bà H phải liên đới trả gấp đôi số tiền đặt cọc do không thực hiện đúng hợp đồng đặt cọc ngày 24/3/2014 là 24.000.000 đồng và bồi hoàn toàn bộ giá trị cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 06/9/2016 là 22.430.000 đồng.

Ngoài ra, ông B yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H và công nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 861,6m², thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre cho ông B.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày:

Trước đây do ông NLQ2 có thiếu nợ và đang bị thi hành án tiền hành kê biên nên có kêu bán phần đất trên cho ông Nguyễn Văn B. Ông được ông Nguyễn Văn B nhờ để làm dùm giấy chõng cọc ngày 24/3/2014 với ông NLQ2 để nhận chuyển nhượng phần đất hiện nay Nhà nước đang cấp quyền sử dụng cho bà H và bà H đang yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường cây trồng bị thiệt hại trên đất. Lý do ông Nguyễn Văn B nhờ ông làm giấy chõng cọc với ông NLQ2 là do ở địa phương ông NLQ2 đã nhiều lần thất hứa với những người khác. Tiền chõng cọc là của ông Nguyễn Văn B và là người đưa tiền cho ông NLQ2 (thực tế ông B là người mua đất của ông NLQ2 chứ không phải ông).

Ông NLQ1 là người viết giấy chõng cọc ngày 24/3/2014, sau khi viết xong ông có đọc lại cho ông NLQ2 nghe và đồng ý ký tên. Ông nghĩ ông NLQ2 đứng ra mua bán nên ông NLQ2 là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi ông Nguyễn Văn B chõng cọc và ông NLQ2 cam kết cho ông Nguyễn Văn B vào canh tác trên đất không có ai tranh chấp. Vào ngày 25/4/2014, ông và ông NLQ2 gặp nhau tại Trạm y tế xã ông NLQ2 nói ông NLQ1 chuẩn bị tiền vì vài ngày nữa là có sổ đỏ nên ông NLQ1 đã điện thoại cho ông Nguyễn Văn B chuẩn bị tiền. Việc ông NLQ2 nói với ông như vậy không có chứng cứ gì. Ông NLQ1 là người chõng cọc dùm cho ông Nguyễn Văn B nên ý kiến của ông Nguyễn Văn B ông NLQ1 đồng ý. Còn đất là quyền sử dụng của ai ông không biết.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 trình bày:

Lúc đầu bà H nói với vợ ông là bà NLQ3, bà NLQ3 là con gái của bà H, là bà H có ý định bán miếng đất vườn. Bà NLQ3 đến gặp ông Nguyễn Văn B để kêu bán, ông Nguyễn Văn B nói để tìm người mua. Sau đó ông NLQ1 mua phần đất này và

đã chồng tiền cọc cho bà NLQ3 10.000.000 đồng. Bà NLQ3 đem tiền cọc về cho bà H nhưng lúc này bà H không đồng ý bán. Ba ngày sau khi làm giấy chồng cọc ông đem tiền cọc và đồng ý trả lại số tiền này trả lại cho ông NLQ1 nhưng không gặp, ông đưa cho ông Nguyễn Văn B nhưng ông B không chịu nhận số tiền này. Một tháng sau ông B vào đất của bà H dọn dẹp, khi đó ông đã ngăn cản có sự chứng kiến của ông Bảy Đ, bà Ba S, anh Nhiều và ông cũng có đi báo cho ông Lâm là Công an xã X. Công an xã nói để đi xác minh lại nhưng không có lập biên bản lúc ông trình báo sự việc.

Ông NLQ2 thừa nhận giấy chồng cọc lập ngày 24/3/2014 là do ông NLQ1 viết, ông có ký tên. Sau khi viết xong ông NLQ1 có đọc lại cho ông nghe nhưng ông không nghe có nội dung là ông cho ông NLQ1 vào vườn chăm sóc, dọn dẹp, thu hoạch. Khi chồng cọc thì ông B nói ông NLQ1 không có nhà ở nên xin vào dọn nền nhà để ở chứ không nói vào dọn dẹp vườn. Phần đất này là do bà H đưa vàng cho ông NLQ2 mua dùm cho bà H, người ngoài không biết nên mới nói đất là của ông NLQ2. Từ trước đến nay bà H là người trực tiếp canh tác và đóng thuế cho Nhà nước. Trước đây phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này mới cấp cho bà H. Bà H đã ở trên đất này cho đến vài năm gần đây bà H già yếu nên mới chuyển về ở chung với con út là ông L. Thời điểm ông B vào canh tác trên đất thì bà H đã chuyển về ở với con gái bà H ở An Hóa. Trước khi ông Nguyễn Văn B vào canh tác thì cây trồng trên đất có huê lợi. Ông B đã đốn 07 cây dừa, 08 gốc nhãn, 10 cây ca cao. Nay ông đồng ý trả lại tiền cọc cho ông NLQ1. Đất này hiện nay vẫn chưa chuyển tên sang cho ông B.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 trình bày:

Vào khoảng cuối tháng 3/2014, ông Nguyễn Văn B gọi bà NLQ3 lên nhà ông B để đặt tiền cọc là 10.000.000 đồng. Ông B nói đây là tiền của ông NLQ1 đặt cọc mua bờ đất của bà H. Bà NLQ3 có nói với ông B là bà H không có chuyển nhượng đất nhưng ông B yêu cầu bà NLQ3 nhận tiền và về năn nỉ bà H bán đất. Sau đó ông B bỏ đi. Bà NLQ3 đem tiền về nói với ông NLQ2, ông NLQ2 có gặp ông B để trả lại tiền nhưng ông B không nói gì và cũng bỏ đi. Khoảng 01 tháng sau ông B vào đất của bà H chặt cây, đốn dừa rồi đem cam và bưởi vào trồng. Bà H hiện nay đang bị bệnh (thấp khớp nặng) đang điều trị nên bà không tham gia tố tụng được.

Tại Công văn số:275/UBND-NC ngày 19/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Ngày 18/9/2014, ông Nguyễn Văn L lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H phần đất thửa 505, tờ bản đồ số 1 (cũ) xã X diện tích 300m² và được Ủy ban nhân dân xã X chứng nhận.

Ngày 28/01/2015, ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất kiểm tra xét đúng trình tự thủ tục, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H.

Đồng thời, bà H lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 506, tờ bản đồ số 1 (cũ) xã X diện tích 573m² được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận đất có nguồn gốc tự khai phá sau giải phóng 1975, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất kiểm tra xét đúng trình tự thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 03/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H tại phần đất thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 6, diện tích 861,6m² (diện tích theo hiện trạng của thửa 505, 506, tờ bản đồ số 1 cũ).

Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Việc ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là không có cơ sở. Ủy ban nhân dân huyện H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử, tại bản án số 63/2017/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên:

- Áp dụng Điều 122, 127, 137, 604, 608, 697 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 50, 106, 122 Luật Đất đai 2003 và Điều 124 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí;

- Căn cứ khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn B về việc di dời cây trồng do ông Nguyễn Văn B trồng trên phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng gồm 64 cây cam và 64 cây bưởi ra khỏi phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông NLQ2 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc

thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chõng cọc ngày 24/3/2014 giữa ông NLQ2 và ông NLQ1 là vô hiệu.

- Buộc ông NLQ2 có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

- Buộc ông NLQ2 phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 1.635.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với bà Nguyễn Thị H và ông NLQ2 về việc phạt gấp đôi số tiền đặt cọc là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và 19.200.000đ (Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng) giá trị 64 cây cam và 64 cây bưởi.

5. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 204473 ngày 03/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện H cho bà Nguyễn Thị H phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông B là bà Hồ Thị H trình bày: Ông B kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông B, yêu cầu bà H, ông NLQ2 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 861,6m² thửa 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H và công nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ông đồng ý trả tiếp cho ông NLQ2 số tiền 88.000.000 đồng. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông thì ông yêu cầu ông NLQ2 trả gấp đôi số tiền đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 là 24 triệu đồng và yêu cầu bà H bồi thường cây trồng trên đất theo giá Hội đồng định giá đã định. Lý do phần đất tranh chấp do ông NLQ1 đã thay mặt ông B làm giấy đặt cọc và giao 10.000.000 đồng cho ông NLQ2 để chuyển nhượng phần đất thửa 282, tờ bản đồ số 6, diện tích 861,6m² tọa lạc tại huyện H, tỉnh Bến Tre. Tại giấy chõng cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 thì ông NLQ2 đồng ý cho ông NLQ1 vào vườn chăm sóc, thu hoạch, dọn dẹp. Việc bà H khởi kiện yêu cầu ông B di dời toàn bộ cây trồng trên đất ra khỏi đất bà H là không có căn cứ. Bởi vì khi ông B đặt cọc để mua đất thì ông NLQ2 nói thửa đất này chưa ai đứng tên quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Hơn nữa, khi ông B vào canh tác đất bà H không ngăn cản và cũng không nói là đất thuộc quyền sử dụng của bà.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Thanh B1 trình bày: ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng buộc ông NLQ2 phải trả cho ông NLQ1 số tiền 12.000.000 đồng. Các phần khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm (có điều chỉnh lại án phí).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 861.1m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B bồi thường thiệt hại đối với số tiền 27.060.000 đồng và di dời toàn bộ cây trồng mà ông B đã trồng trên đất bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B không đồng ý vì cho rằng ông NLQ1 là người đại diện của ông B đã đặt cọc 12.000.000 đồng cho ông NLQ2 là con rể của bà H. Theo nội dung tờ đặt cọc thì ông NLQ1 được vào vườn canh tác nên sau khi đặt cọc ông B đã dọn vườn và trồng cây. Do vậy ông B không đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Đồng thời ông có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H, ông NLQ2 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 861,6m² thửa 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H và công nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ông đồng ý trả tiếp cho ông NLQ2 số tiền 88.000.000 đồng. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông thì ông yêu cầu ông NLQ2 trả gấp đôi số tiền đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 là 24.000.000 đồng và yêu cầu bà H bồi thường cây trồng trên đất theo giá Hội đồng định giá đã định.

[2] Đối với yêu cầu của bà H bồi thường hoa màu và cây trồng trên đất với số tiền 27.060.000 đồng, bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Sau khi bản án sơ thẩm tuyên cả nguyên đơn và bị đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà H, ông NLQ2 tiếp tục thực hiện hợp đồng theo giấy đặt cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 và ông B đồng ý trả cho ông NLQ2 số tiền 88.000.000 đồng còn lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NLQ1 thừa nhận ông B mới là người mua đất của bà H, còn ông NLQ1 chỉ là người trung gian đứng ra mua đất và chò tiền cọc dùm cho ông B. Ông B cũng thừa nhận có nhờ ông NLQ1 đứng ra mua đất và chò tiền cọc dùm. Ông NLQ2 cũng thừa nhận là ông nhận tiền cọc của ông B. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 10.000.000 đồng theo giấy chò cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 và số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 26/3/2014 là ông Nguyễn Văn B đưa cho ông NLQ2.

Thấy rằng, phần đất tranh chấp là do bà H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chò cọc là do ông NLQ2 thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn B, nhưng không có sự đồng ý của bà H khi xác lập giao dịch này. Và tại thời điểm chuyển nhượng phần đất thửa 282 tờ bản đồ số 6 chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên giao dịch dân sự này là vô hiệu do vi phạm Điều 106, Luật Đất đai năm 2003, Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do giao dịch dân sự này vô hiệu nên yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng của ông Nguyễn Văn B là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B yêu cầu ông NLQ2 bồi thường gấp đôi số tiền đặt cọc với số tiền 24.000.000 đồng.

Do hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa ông B thông qua ông NLQ1 với ông NLQ2 là vô hiệu, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ phải thực hiện. Tuy nhiên, ông NLQ2 thừa nhận đã nhận của ông B số tiền 12.000.000 đồng nên ông NLQ2 có trách nhiệm trả lại cho ông B số tiền trên. Ông B yêu cầu ông NLQ2 trả gấp đôi số tiền cọc là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn B không đồng ý di dời cây trồng do ông trồng trên thửa đất 282, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Thấy rằng, theo hồ sơ thể hiện năm 1993 bà H đã tên đăng ký trong sổ mục kê xã X diện tích 573m², đất là do bà tự khai phá sau giải phóng, thuộc thửa 506, sau khi đo đạc chính quy là thửa 282 diện tích 561,6m². Năm 2014 bà H nhận thêm 300m² từ hợp đồng tặng cho của ông L (là con bà H). Ngày 03 tháng 3 năm 2015 bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 861,6m² thửa 282, tờ bản đồ số 06. Như vậy, có căn cứ cho rằng phần đất thửa 282, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre là do bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng từ năm 1962 đến nay và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015.

Bị đơn ông B cho rằng, ông vào đất dọn dẹp, chặt cây là do ông NLQ2 đã bán cho ông. Khi ông đặt cọc mua đất với ông NLQ2 thì ông NLQ2 nói thửa đất này là của ông NLQ2, vào năm 2012 Ủy ban nhân dân xã X đã giải quyết trả cho ông NLQ2 và hiện chưa ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B cho rằng ông đã đưa tiền cọc cho ông NLQ2 nên xem như đã nhận chuyển nhượng đất này, do vậy ông có quyền chặt cây và dọn vườn theo nội dung đã thỏa thuận trong tờ đặt cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014.

Căn cứ tờ đặt cọc ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa bên đặt cọc là ông NLQ1 và bên nhận cọc là ông NLQ2, không ghi số thửa, số tờ bản đồ, diện tích đất và không

được công chứng chức thực là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự.

Về nội dung thì phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà H, ông Nguyễn Văn B cho rằng đất này là của ông NLQ2 nên ông NLQ2 chuyển nhượng cho ông là không có căn cứ. Ông NLQ2 không có quyền trong việc chuyển nhượng đất hay cho ông B vào vườn bà H dọn dẹp theo thỏa thuận ngày 24 tháng 3 năm 2014 khi chưa có sự đồng ý của bà H.

Thấy rằng, do đất của bà H, bà H không có chuyển nhượng đất cho ông B nhưng ông Nguyễn Văn B tự ý đem 64 cây cam và 64 cây bưởi cam vào trồng trên đất mà không có sự đồng ý của bà H là không phù hợp. Và tại các biên bản tiếp cận công khai chứng cứ ông B thừa nhận bà H ở trên đất này từ năm 1965. Cho thấy, ông B cũng biết rõ nguồn gốc đất này và ông cũng thừa nhận khi mua đất ông biết ông NLQ2 không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông vẫn mua, đó là lỗi của ông B. Do đất là của bà H nên bà yêu cầu ông B di dời các cây trồng trả lại đất cho bà là có cơ sở.

Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông B di dời toàn bộ cây trồng gồm 64 cây cam và 64 cây bưởi ra khỏi phần đất thuộc thửa 282 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp.

[6] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn B, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà H và công nhận cho ông B quyền sử dụng diện tích đất 861,6m² thửa 282, tờ bản đồ số 6 tọa lạc xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Thấy rằng, quy trình Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đảm bảo đúng quy định ở Điều 122 Luật Đất đai và Điều 124 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 nên yêu cầu này của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Ông Nguyễn Văn B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 122, 127, 137, 604, 608, 697 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50, 106, 122 Luật đất đai 2003 và Điều 124 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2017/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn B về việc di dời cây trồng do ông Nguyễn Văn B trồng trên phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng gồm 64 cây cam và 64 cây bưởi ra khỏi phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông NLQ2 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chông cọc ngày 24/3/2014 giữa ông NLQ2 và ông NLQ1 là vô hiệu.

- Buộc ông NLQ2 có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

- Buộc ông NLQ2 phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 1.635.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với ông NLQ2 về việc phạt gấp đôi số tiền đặt cọc là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với bà Nguyễn Thị H về việc bồi thường hoàn giá trị cây trồng với số tiền 19.200.000đ (Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng) là giá trị 64 cây cam và 64 cây bưởi.

5. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 204473 ngày 03/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện H cho bà Nguyễn Thị H phần đất thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

6. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành có trách nhiệm hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 876.000

đồng (tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo các biên lai số 0013562 ngày 17/8/2015 và 0014017 ngày 07/3/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành.

+ Ông Nguyễn Văn B phải nộp án phí là số tiền là 2.521.000đ (Hai triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng số tiền án phí ông Nguyễn Văn B phải nộp là 2.821.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo các biên lai số 0001088 ngày 28/11/2016, 0001087 ngày 28/11/2016 và 0001207 ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành. Ông B còn phải nộp số tiền là 1.261.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng).

+ Ông NLQ2 phải nộp án phí số tiền là 681.000đ (Sáu trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn B phải nộp số tiền là 1.675.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn B đã nộp xong chi phí đo đạc là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn B phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.275.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn B phải chịu số tiền 300.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012578 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương